

TỔNG CỤC HẢI QUAN
Số: 66/TCHQ-GSQL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH

Quyết định ban hành Quy chế hải quan khu chế xuất

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Pháp lệnh Hải quan ban hành ngày 20 tháng 02 năm 1990.

Căn cứ Nghị định số 322-HĐBT ngày 18 tháng 10 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng nay là Chính phủ ban hành Quy chế Khu chế xuất.

Căn cứ Nghị định 16-CP ngày 7-3-1994 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Tổng cục Hải quan.

Xét đề nghị của ông Cục trưởng Cục giám sát quản lý - Tổng cục Hải quan.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế Hải quan Khu chế xuất.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 17/TCHQ-GQ ngày 15 tháng 5 năm 1993 của Tổng cục Hải quan ban hành bản Quy chế tạm thời Hải quan Khu chế xuất và có hiệu lực kể từ ngày ký. Các qui định trước đây của Tổng cục Hải quan trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 3. Cục trưởng Cục Giám sát quản lý, Thủ trưởng các Vụ, Cục cơ quan Tổng cục Hải quan, Trường Cao đẳng Hải quan Việt Nam, Cục trưởng Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT. Tổng cục trưởng

Phó Tổng cục

(Đã ký)

Bùi Duy Bảo

QUI CHẾ

HẢI QUAN KHU CHẾ XUẤT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 66/TCHQ-GSQL ngày 28 tháng 6 năm 1996 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

Chương I

QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh của Qui chế Hải quan Khu chế xuất là các xí nghiệp đầu tư và Khu chế xuất và các xí nghiệp đầu tư nằm ngoài khu chế xuất nhưng được hưởng Qui chế Khu chế xuất.

Điều 2. Tất cả thiết bị, vật tư, phương tiện vận tải nguyên nhiên phụ liệu, hàng hoá... (trong Qui chế này được gọi chung là hàng hoá) hành lý, ngoại hối nhập khẩu vào Khu chế xuất, hoặc từ Khu chế xuất xuất khẩu ra đều phải khai báo hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát quản lý về mặt Nhà nước của cơ quan Hải quan làm thủ tục và nộp lệ phí hải quan tại Hải quan Khu chế xuất theo qui định của pháp luật.

Điều 3. Trong Qui chế này: Giải thích các khái niệm sau

3.1. "Hải quan Khu chế xuất" là đơn vị Hải quan cấp cửa khẩu thuộc Hải quan tỉnh, thành phố nơi có Khu chế xuất, có văn phòng tại Khu chế xuất thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về Hải quan đối với hàng hoá, ra vào Khu chế xuất theo qui định của pháp luật.

3.2. "Hàng hoá xuất khẩu" là hàng hoá trong Khu chế xuất xuất khẩu ra nước ngoài hoặc bán vào các Khu chế xuất khác được thành lập ở Việt Nam.

3.3. "Hàng hoá nhập khẩu" là hàng hoá từ nước ngoài nhập khẩu vào Khu chế xuất hoặc mua từ các Khu chế xuất khác được thành lập ở Việt Nam.

3.4. Hàng hoá "bán vào thị trường nội địa" là hàng hoá của xí nghiệp Khu chế xuất được phép bán cho Doanh nghiệp Việt Nam để tiêu thụ ở thị trường Việt Nam.

3.5. Hàng hoá "mua từ thị trường nội địa" là hàng hoá mà xí nghiệp Khu chế xuất được phép mua của Doanh nghiệp Việt Nam để sử dụng trong xí nghiệp Khu chế xuất.

3.6. "Chủ hàng" là xí nghiệp Khu chế xuất.

Chương II

THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU CỦA CÁC XÍ NGHIỆP KHU CHẾ XUẤT

Điều 4. Hàng hoá nhập khẩu từ nước ngoài vào Khu chế xuất hoặc hàng hoá từ Khu chế xuất xuất khẩu ra nước ngoài phải phù hợp với Giấy phép kinh doanh hoặc đơn xin xuất/nhập khẩu

hàng hoá được Ban quản lý Khu chế xuất phê duyệt và được miễn thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu theo Luật định.

Điều 5. Thủ tục đối với hàng nhập khẩu

Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày hàng hoá đến cửa khẩu đầu tiên của Việt Nam xí nghiệp Khu chế xuất phải làm thủ tục hải quan để nhập khẩu hàng. Khi làm thủ tục hải quan chủ hàng phải nộp cho Hải quan Khu chế xuất những giấy tờ sau:

- Đơn xin nhận hàng của xí nghiệp Khu chế xuất đã được Ban quản lý Khu chế xuất phê duyệt (2 bản)
- Tờ khai hàng hoá nhập khẩu (2 bản) - Bản khai chi tiết hàng hoá (2 bản)
- Vận đơn (bản sao 1 bản)
- Các chứng từ khác (nếu có) tùy theo từng trường hợp.

Hải quan Khu chế xuất, sau khi tiếp nhận, kiểm tra bộ hồ sơ nếu đầy đủ và hợp lệ thì làm thủ tục đăng ký tờ khai hải quan. Tiếp đó, thủ tục hải quan như sau:

5.1. Nếu hàng hoá nhập khẩu trực tiếp vào Khu chế xuất, Hải quan Khu chế xuất tiến hành thủ tục kiểm hoá lô hàng tại kho bãi của Khu chế xuất hoặc xí nghiệp Khu chế xuất và giải phóng hàng đưa vào sản xuất.

5.2. Nếu hàng hoá nhập khẩu qua một cửa khẩu khác (thuộc tỉnh, thành phố có Khu chế xuất) thì chủ hàng mang bộ hồ sơ đã đăng ký đến cửa khẩu nhập hàng làm thủ tục nhận hàng về Khu chế xuất để làm tiếp thủ tục hải quan. Tùy từng trường hợp Hải quan Khu chế xuất có thể áp dụng biện pháp áp tải hoặc niêm phong kẹp chì và thực hiện các bước theo qui chế địa điểm kiểm tra hàng hoá ngoài khu vực cửa khẩu, ban hành kèm theo Quyết định số 109/TCHQ-GSQL ngày 09 tháng 3 năm 1995 và các văn bản hướng dẫn khác của Tổng cục Hải quan.

5.3. Nếu hàng hoá nhập khẩu qua một cửa khẩu thuộc tỉnh, thành phố khác (không phải tỉnh, thành phố có Khu chế xuất) thì thực hiện theo Qui chế về hàng hoá chuyển tiếp ban hành kèm theo Quyết định số 89-TCHQ/QĐ ngày 02-08-1994 và các văn bản hướng dẫn khác của Tổng cục Hải quan.

5.4. Hàng hoá nhập khẩu vào Khu chế xuất chỉ được đưa vào sử dụng sau khi đã hoàn thành thủ tục hải quan.

Hàng hoá chưa hoàn thành thủ tục hải quan phải đưa vào khu vực kho riêng và chịu sự giám sát, quản lý của Hải quan Khu chế xuất.

Điều 6. Thủ tục đối với hàng xuất khẩu

Khi làm thủ tục xuất khẩu hàng hoá trong Khu chế xuất ra nước ngoài, chủ hàng phải nộp cho Hải quan Khu chế xuất những giấy tờ sau đây:

- Đơn xin xuất khẩu hàng hoá của xí nghiệp Khu chế xuất đã được Ban quản lý Khu chế xuất phê duyệt (2 bản)
- Tờ khai hàng hoá xuất khẩu (2 bản)
- Bản kê chi tiết hàng hoá xuất khẩu (2 bản)
- Giấy chứng nhận xuất xứ (nếu hợp đồng yêu cầu)
- Các chứng từ khác (nếu có) tùy theo từng trường hợp.

Hải quan Khu chế xuất sau khi tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của bộ hồ sơ đăng ký tờ khai, tiến hành kiểm hoá, kết thúc thủ tục hải quan theo các bước như sau:

6.1. Đối với hàng đóng trong Container giao chủ hàng bộ hồ sơ đã hoàn thành thủ tục hải quan để chủ hàng vận chuyển hàng ra cửa khẩu xuất hàng. Tùy trường hợp cụ thể Trưởng hải quan Khu chế xuất quyết định việc áp tải hay niêm phong kẹp chì.

6.2. Hải quan cửa khẩu xuất có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ hàng và giám sát cho đến khi hàng hoá thực xuất, xác nhận thực xuất vào tờ khai hải quan và chuyển giao lại Hải quan Khu chế xuất để thanh khoản. 6.3. Hàng xuất khẩu đã làm xong thủ tục hải quan nhưng chưa đưa ra cửa khẩu để xuất khẩu phải chịu sự giám sát, quản lý của Hải quan Khu chế xuất cho đến khi bàn giao cho hải quan cửa khẩu xuất hàng.

Điều 7. Thủ tục hải quan đối với hàng hoá xí nghiệp Khu chế xuất bán vào thị trường nội địa hoặc mua từ thị trường nội địa.

7.1. Hàng hoá xí nghiệp Khu chế xuất bán vào thị trường nội địa coi như hàng doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu từ nước ngoài và hàng hoá xí nghiệp Khu chế xuất mua từ thị trường nội địa coi như là hàng doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu ra nước ngoài phải chịu sự điều chỉnh bởi chính sách xuất nhập khẩu và Pháp luật thuế đối với hàng hoá xuất nhập khẩu.

7.2. Hàng hoá nói ở khoản 1 Điều này, nếu thuộc diện chịu thuế thì:

7.2.1. Đối với hàng hoá xí nghiệp Khu chế xuất bán vào thị trường nội địa, Hải quan tính và thu thuế như đối với hàng nhập khẩu.

7.2.2. Đối với hàng hoá xí nghiệp Khu chế xuất mua từ thị trường nội địa, Hải quan tính và thu thuế như đối với hàng xuất khẩu.

7.3. Doanh nghiệp Việt Nam mua bán hàng hoá phải nộp các loại thuế nêu ở tiểu khoản 7.2.1 và 7.2.2 Điều này.